

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 10 – 8 – 2020

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Chiến.

2. Bà Trần Thị Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Thanh Quốc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 329/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, về việc xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 583/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa:

– Nguyên đơn: Chị BD, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số 169, TQK, k5, p 5, thành phố CM.

– Bị đơn: Anh NK, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số 79, LTK, k4, p6, thành phố CM.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị BD là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị và anh NK chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau vào ngày 11/4/2016. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2019 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D là do anh Ký thường xuyên đi chơi về khuya, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị có khuyên anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi, dẫn đến tình cảm phai nhạt nên anh chị đã ly thân từ khoảng 02 tháng nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng

không thành. Do đó, chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Nguyễn Duy Phúc sinh ngày 12/11/2018, hiện con đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị D xác định có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị D xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

*Tại bản tự khai và lời trình bày của anh NK trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh xác định về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, ly thân như lời chị D trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng anh cho rằng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ. Ngày 01/6/2020 chị D xin cha mẹ anh về nhà cha mẹ ruột của chị D đám giỗ 02 ngày rồi về nhưng đến ngày 02/6/2020 chị D gọi điện về nói sẽ ly hôn với anh chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Trong thời gian ly thân anh cũng thường tới lui thăm chị D, anh năn nỉ chị về chung sống với anh nhưng chị cương quyết không chịu về. Nay chị D xin ly hôn với anh, anh thấy còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Nguyễn Duy Phúc sinh ngày 12/11/2018, hiện con đang sống với anh. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh K xác định có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh K khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa chị D và anh K là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp: Về quan hệ hôn nhân chị BD và anh NK xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/4/2016 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị D cương quyết xin ly hôn, còn anh K không đồng ý. Xét thấy, thực tế anh, chị cũng không còn chung sống vợ chồng hơn 02 tháng. Thời gian này nhằm tạo điều kiện cho anh, chị thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ

chồng đã qua để tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, tự bản thân anh Ký cũng biết rõ là không thể chung sống với chị D được nữa. Tuy nhiên, anh vẫn muốn kéo dài cuộc hôn nhân mà không có mục đích gì cụ thể. Bên cạnh đó, chị D cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh Ký, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm và cuộc sống vợ chồng muốn duy trì được cần phải có sự dung hoà, cảm thông, chia sẻ và xây đắp của cả hai bên chứ không phải sự ép buộc, níu kéo từ một phía; hơn nữa tình cảm vợ chồng của anh K và chị D rạn nứt, không tìm được tiếng nói chung nên không thể hàn gắn được. Thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh K đã có mâu thuẫn với nhau trong thời gian dài nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn, chị D và anh K đã sống mỗi người một nơi hơn 02 tháng nay, vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong mối quan hệ tình cảm, về kinh tế gia đình, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ và thương yêu lẫn nhau. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị D ly hôn với anh K.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Nguyễn Duy Phúc sinh ngày 12/11/2018, hiện con đang sống với anh K. Khi ly hôn, chị D yêu cầu anh K trực tiếp nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh K xác định: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, xét thấy, chị D và anh K đều xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị D và anh K khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không đề cập giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị BD về việc xin ly hôn anh NK.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Diễm và anh Ký, giao cháu Nguyễn Duy Phúc sinh ngày 12/11/2018 cho anh NK trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị BD được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị D và anh K đều xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị D và anh K khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị D phải chịu 300.000đ. Ngày 15 tháng 6 năm 2020, chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0001989 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Chị D, anh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã phường 6, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Lê Thúy Dung**